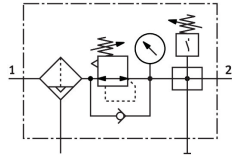


# Thiết bị khí đầu vào LFR-3/4-D-DI-MAXI-KE-A

Số bộ phận: 192465

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                               |
|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                                 | Maxi                                                                  |
| Dòng                                                       | D                                                                     |
| bảo vệ hành động                                           | Núm xoay có khóa                                                      |
| Vị trí lắp đặt                                             | dọc +/- 5°                                                            |
| Độ mịn bộ lọc                                              | 40 µm                                                                 |
| Cổng xả nước ngưng tụ                                      | hoàn toàn tự động                                                     |
| Cấu trúc xây dựng                                          | Mô-đun rẽ nhánh<br>Công tắc áp suất<br>Bộ điều chỉnh bộ lọc với áp kế |
| Lượng nước ngưng tụ tối đa                                 | 43 cm³                                                                |
| Bảo vệ vỏ                                                  | Giò bảo vệ kim loại                                                   |
| Bộ hiển thị áp suất                                        | với áp kế                                                             |
| Áp suất vận hành                                           | 0.2 MPA...1.2 MPA<br>2 bar...12 bar<br>29 psi...174 psi               |
| Phạm vi điều chỉnh áp suất                                 | 0.05 MPA...1.2 MPA<br>0.5 bar...12 bar<br>7.25 psi...174 psi          |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 6000 l/ph                                                             |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [-:-:-]<br>Khí trơ                       |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                                |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B1/B2-L                                                     |
| Cấp độ sạch không khí tại đầu ra                           | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [6:8:4]<br>Khí trơ                       |
| Nhiệt độ trung bình                                        | -10 °C...60 °C                                                        |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | -10 °C...60 °C                                                        |
| trọng lượng sản phẩm                                       | 2600 g                                                                |
| Kiểu gắn                                                   | Lắp đặt đường dây<br>với phụ kiện<br>tùy ý:                           |
| Cổng nối khí nén 1                                         | G3/4                                                                  |
| Cổng nối khí nén 2                                         | G3/4                                                                  |

| Đặc tính    | Giá trị              |
|-------------|----------------------|
| Vật liệu vỏ | Kém đúc áp lực<br>PC |